

Bản án số: 86/2023/HSST.

Ngày: 21/12/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền
- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Phan Xuân Hùng
2- Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên toà: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 83/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/ QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/HSST ngày 12/12/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị T**, Sinh năm 1996, tại tỉnh H; Hộ khẩu thường trú: Phố P, thị trấn A, huyện A, tỉnh H; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh T; Con bà Cáp Thị Th; Chồng: Chu Văn H. Sinh năm 1993; Có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/7/2023 đến ngày 03/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn A, huyện A, tỉnh H.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Công ty TNHH may cao cấp V

Trụ sở: Đường P, thị trấn A, huyện A, tỉnh H (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H – Phó giám đốc (Có mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1 – Chị Nguyễn Thị O – Sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Th, phường D, thị xã M, tỉnh H.

2- Chị Nguyễn Thị Lê - S năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố B, thị trấn A, huyện A, tỉnh H.

3- Chị Trần Thị H – Sinh năm 1992(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, thị trấn A, huyện A, tỉnh H.

4- Anh Chu Văn H – Sinh năm 1993(Có mặt)

Địa chỉ: Phố P, thị trấn A, huyện A, tỉnh H.

5- Chị Nguyễn Thị Ngọc Ch – Sinh năm 1990(Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường Nh, thị xã M, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị T là nhân viên kế toán có Hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp Việt Hào. T làm cùng phòng tài vụ với chị Nguyễn Thị Oanh. Chị Oanh là kế toán trưởng và kiêm thủ quỹ của Công ty. Hàng ngày T thấy chị Oanh lấy chìa khóa ở ngăn kéo bàn làm việc của chị O mở két sắt gần vị trí T ngồi làm việc để cất tiền và lấy tiền. Do nợ tiền trên ứng dụng “app đen” nên T đã nảy sinh ý định lấy trộm tiền của Công ty do chị O đang quản lý để trong két sắt để trả nợ.

Ngày 27/7/2023 T đến công ty làm việc biết được chị O nghỉ phép đến ngày 31/7/2023. Khoảng 17 giờ cùng ngày, T đợi mọi người trong phòng làm việc đi về hết rồi đi lại vị trí bàn làm việc của chị Oanh mở ngăn kéo bàn ra thấy có 02 chiếc chìa khóa, T cầm chìa khóa mở khóa két sắt thấy bên trong két có nhiều cọc tiền gồm các mệnh giá khác nhau như: 1.000 đồng, 2.000 đồng, 5.000 đồng, 10.000 đồng, 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng. T lấy 01 cọc tiền gồm 89 tờ mệnh giá 500.000 đồng được tổng số tiền 44.500.000 đồng cất vào trong túi xách của mình rồi khóa két lại để chìa khóa vào vị trí cũ, sau đó đi về nhà. Trên đường về, T vào cửa hàng điện thoại di động Thiên Trường có địa chỉ ở thị trấn A, huyện A, tỉnh H thì gặp chị Nguyễn Thị Lệ là chủ cửa hàng điện thoại, T nói: “Chị chuyển cho em 44.500.000 đồng vào tài khoản với”, chị Lệ nói: “Tài khoản của chị còn 30.000.000 đồng thôi”, T nói: “Chị chuyển cho em” rồi T đưa cho chị Lệ số tiền 30.000.000 đồng, chị Lệ cầm tiền, chuyển vào số tài khoản 1036092201 của Ngân hàng Vietcombank mang tên LE THI T số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền xong, T đi đến cửa hàng Viettel có địa chỉ ở thị trấn A thì gặp chị Trần Thị Hương là nhân viên cửa hàng, T nói: “Chị chuyển cho em tiền vào tài khoản với”, chị H đồng ý rồi T đưa cho chị H 15.000.000.000 đồng (trong đó có 500.000 đồng là tiền của T còn 14.500.000 đồng là tiền trộm cắp của Công ty), chị Hương cầm tiền và chuyển vào số tài khoản trên của T.

Khoảng 07 giờ ngày 28/7/2023 T tiếp tục mở ngăn kéo bàn làm việc của chị O lấy 02 chiếc chìa khóa nói trên ra mở két sắt lấy 01 tập tiền (gồm 100 tờ) mệnh giá 500.000 đồng tổng số tiền 50.000.000 đồng cất vào trong túi xách rồi khóa két lại để chìa khóa vào vị trí cũ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày T nói với mọi người trong phòng làm việc: “Chị nào có tiền trong tài khoản không, chuyển giúp em 10.000.000 đồng, rồi em đưa tiền mặt ạ”, thấy vậy chị Nguyễn Thị Ngọc Ch làm bộ phận xuất nhập khẩu cùng công ty với T, nói “Có”. T đưa cho chị Ch 10.000.000 đồng, chị Chi

cầm tiền rồi chuyển vào số tài khoản trên của T 10.000.000 đồng. Số tiền còn lại 40.000.000 đồng T vẫn để trong túi xách.

Khoảng 12 giờ 30 cùng ngày, T tiếp tục lấy chìa khóa mở khóa két lấy 02 tập tiền (mỗi tập 100 tờ) mệnh giá 500.000 đồng và mệnh giá 200.000 đồng tổng số tiền là 70.000.000 đồng rồi cất vào trong túi xách của mình cùng với số tiền 40.000.000 đồng lúc trước đã lấy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày T đến cửa hàng Viettel có địa chỉ ở thị trấn Á nhờ chị H chuyển vào số tài khoản số 100876030397 của Ngân hàng Viettinbank mang tên LE THI T số tiền 50.000.000 đồng còn lại 60.000.000 đồng T mang về nhà cất giấu. Ngày 29/7/2023 T đến cây ATM Vietcombank rút số tiền 50.000.000 đồng trong tài khoản của Ngân hàng Vietcombank của T ra rồi mang về nhà cất giấu. Khoảng 18 giờ ngày 30/7/2023 T đến cửa hàng điện thoại Thiên Trường nhờ chị L chuyển vào số tài khoản của Ngân hàng Viettinbank của T 50.000.000 đồng. Tiếp đó khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày T đến cửa hàng Viettel ở thị trấn Á nhờ chị H chuyển số tiền 57.000.000 đồng vào số tài khoản của Ngân hàng Vietcombank trên của T, số tiền còn lại 3.000.000 đồng T để trong túi xách. Sau đó T dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 chuyển khoản trả nợ cho ứng dụng “app đen” có số tài khoản 0977303351 của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng mang tên NGUYEN VIET NGUYEN tổng số tiền 161.500.000 đồng.

Ngày 31/7/2023 Công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp V do ông Nguyễn Trọng H- Phó giám đốc bộ phận quản lý là đại diện theo ủy quyền của Công ty làm đơn trình báo đến Công an xã Xuân Dục, thị xã M, đồng thời giao nộp 01 USB TOSHIBA, 4GB bên trong có 01 file video có tên 28072023.mp4 (đã niêm phong) ghi lại hình ảnh mất trộm tại Công ty. Công an xã Xuân Dục báo cáo và chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M để giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày, Lê Thị T đến công an xã Xuân Dục, thị xã M đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 bên trong lắp 01 sim, 01 chiếc túi xách giả da màu đen không có nhãn hiệu và số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 31/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà ở của Lê Thị T tại đường P, thị trấn Á, huyện Á, tỉnh H, kết quả khám xét không T giữ gì.

Ngày 15/8/2023, Công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp Việt Hào giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M 01 USB TOSHIBA, 4GB bên trong có 02 file video có tên 7h-8h28072023 và 16h-17h27072023 (niêm phong ký hiệu M2) ghi lại hình ảnh mất tiền tại Công ty.

Cơ quan điều tra đã mở 01 file có tên 28072023.mp4 và 02 file video có tên 7h-8h28072023, 16h-17h27072023 đã T giữ cho Lê Thị T xem, kết quả T nhận người phụ nữ trong hình ảnh của 03 file video ghi nhận tại các thời điểm từ 16 giờ 59 phút 16 giây ngày 27/7/2023, 07 giờ 09 phút 53 giây ngày 28/7/2023 và 12 giờ 49 phút ngày 28/7/2023 mở két sắt của Công ty để lấy tiền chính là T. Sau đó Cơ quan điều tra tiến hành niêm phong ký hiệu M1, M3.

Cơ quan điều tra Quyết định trưng cầu giám định Video đã T giữ nêu trên. Tại bản kết luận giám định số 194/KL-KTHS (KTS) ngày 25/9/2023 của phòng kỹ Tật hình sự - Công an tỉnh H, kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 03 file video lưu trong mẫu niêm phong M1 và M3 gửi giám định. Hoàn lại toàn bộ mẫu vật đã gửi giám định (niêm phong ký hiệu S).

Công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp Việt Hào trình bày Công ty bị mất trộm 188.500.000 đồng nhưng quá trình điều tra chỉ xác định được Công ty bị mất số tiền 164.500.000 đồng. Ngày 29/8/2023 T tác động gia đình bồi thường cho Công ty tổng số tiền 164.500.000 đồng. Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Phó giám đốc đại diện theo ủy quyền của Công ty đã nhận đủ số tiền trên. Đồng thời yêu cầu T tiếp tục bồi thường tiếp số tiền 24.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị O được Công ty giao quản lý kết sắt để bảo quản tiền mặt của Công ty. Quá trình điều tra xác định chị Oanh thực hiện quản lý kết sắt bảo quản tiền mặt theo đúng quy trình quản lý kết an toàn của Công ty, chị Oanh không biết T lấy trộm tiền trong kết sắt nên không đủ căn cứ xử lý.

Chị Nguyễn Thị L, chị Trần Thị H và chị Nguyễn Thị Ngọc Ch đã nhận chuyển tiền vào tài khoản cho T ngày 27, 28 và ngày 30/7/2023. Quá trình điều tra xác định chị L, chị H và chị Ch đều không biết số tiền T đưa các chị để chuyển vào tài khoản của T là tiền do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý.

Đối với số tài khoản 0977303351 của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng mang tên NGUYEN VIET NGUYEN, T khai đã chuyển số tiền 161.500.000 đồng lấy trộm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp V vào số tài khoản mang tên NGUYEN VIET NGUYEN nêu trên. Quá trình điều tra xác định người sử dụng số tài khoản 0977303351 nêu trên là anh Nguyễn Việt Nguyên, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú ở thôn Kim Thành, xã Sơn Tây, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh nhưng hiện nay anh Nguyên không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ giải quyết sau.

Anh Chu Văn H (là chồng của T) không biết việc T mang tiền trộm cắp về nhà cất giấu nên không đủ căn cứ xử lý.

Chiếc điện thoại, chiếc túi xách và số tiền 3.000.000 đồng T giao nộp cho Cơ quan Công an nêu trên. Chiếc điện thoại và túi xách là tài sản của T, số tiền 3.000.000 đồng là tiền T trộm cắp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp Việt Hào.

Bản cáo trạng số 80/CT-VKSMH ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày: Công ty đã nhận số tiền bị cáo và gia đình bồi thường là 164.500.000 đồng, công ty xin rút yêu cầu buộc bị cáo bồi

thường tiếp số tiền 24.000.000đ; bị cáo lần đầu phạm tội, đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Vật chứng : Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tại ủy nhiệm chi ngày 23/11/2023, trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 có số imei1: 866787052003758 số imei2: 86678705203741 bên trong có 01 sim và 01 chiếc túi xách giả màu đen không có nhãn mác.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 164.500.000 đồng cho công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp V, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của công ty đã xin rút yêu cầu buộc bị cáo bồi thường tiếp số tiền 24.000.000đ nên phân trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát thị xã M còn đề nghị về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên đều hợp pháp.

[2]- Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh, biên bản khám xét, biên bản miêu tả video, quyết định trưng cầu giám định, kết luận giám định; sao kê chi tiết tài khoản giao dịch; Phù hợp khách quan với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ T thập được có trong hồ sơ, đã có đủ căn cứ để kết luận: “ Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 27/7/2023, 07 giờ ngày 28/7/2023 và khoảng 12 giờ 30 ngày 28/7/2023 tại công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp V, Lê Thị T đã 03 lần lợi dụng sơ hở, lén lút mở két đựng tiền của công ty trộm cắp số tiền lần lượt là 44.500.000 đồng, 50.000.000 đồng và 70.000.000 đồng. Tổng số 03 lần T đã trộm cắp số tiền của Công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp V là 164.500.000đồng, sau đó T đã ra đầu thú.” Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 của Bộ luật hình sự là chính xác và đúng pháp luật.

[3]- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an

ninh trật tự tại địa phương; Gây bất bình và lo lắng trong doanh nghiệp. Bị cáo phạm tội độc lập, tội phạm đã hoàn thành. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự bản thân lại là nhân viên kế toán của công ty nên buộc phải nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhưng chỉ vì mục đích tư lợi của bản thân muốn chiếm đoạt tài sản của người khác lấy làm của riêng mình mà bị cáo đã phạm tội. Bị cáo 03 lần lợi dụng sơ hở lén lút mở khóa két an toàn để trộm cắp tiền của công ty, mỗi lần trộm cắp đều trên 2.000.000đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn giành cho bị cáo, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và làm bài học cho các hành vi khác tương tự có thể xảy ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, tại phiên tòa đại diện người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo nhất thời phạm tội, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên sẽ được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt qui định tại khoản 2 Điều 173 bộ luật hình sự.

[4] -Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử sẽ miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] – Vật chứng : Đối với số tiền 3.0000.000đ là tiền bị cáo phạm tội tuy nhiên bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 164.500.000đ cho công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp Vo nên sẽ trả lại cho bị cáo số tiền này.

Về chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 bên trong lắp 01 sim và chiếc túi giả da màu đen không có nhãn hiệu không liên quan đến việc phạm tội, bị cáo có nhu cầu nhận lại nên sẽ trả lại cho bị cáo.

[5] -Về Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ cho công ty trách nhiệm hữu hạn may cao cấp V số tiền 164.500.000đ. Quá trình điều tra đại diện công ty cho rằng công ty mất số tiền là 188.500.000đ nên yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 24.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của công ty đã rút yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền 24.000.000đ và không có yêu cầu đề nghị gì nên phân trách nhiệm dân sự hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[6]- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

* Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

* Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T **01**(một) năm **03** (ba) tháng tù, được trừ 03 ngày tạm giữ, còn 01 (một) năm 02 (năm) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

* Vật chứng : Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tại ủy nhiệm chi ngày 23/11/2023, trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 có số imei1: 866787052003758 số imei2: 86678705203741 bên trong có 01 sim và 01 chiếc túi xách giả màu đen không có nhãn mác.

(Tình trạng đặc điểm các vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2023 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã M).

* Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ /.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Cơ quan CSĐT-CA thị xã M;
- Cơ quan T.H.A HS-CA thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và T.H.A - Tòa án tỉnh H;
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tân Huyền

